

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỘ TÀI CHÍNH

**Thông tư số 166/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 ban hành
Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định
Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2018**

**BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP
ĐỊNH THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA ASEAN - TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2015 - 2018**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 166/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Tiếp theo Công báo số 99 + 100)

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất ACFTA (%)				Nước không được hưởng ưu đãi
					2015	2016	2017	2018	
5513	23	00		- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	15	15	15	15	
5513	29	00		- - Vải dệt thoi khác	15	15	15	15	
				- Từ các sợi có các màu khác nhau:					
5513	31	00		- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	0	0	0	0	
5513	39	00		- - Vải dệt thoi khác	0	0	0	0	
				- Đã in:					
5513	41	00		- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	0	0	0	0	
5513	49	00		- - Vải dệt thoi khác	0	0	0	0	
55.14				Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng trên 170 g/m².					
				- Chưa hoặc đã tẩy trắng:					
5514	11	00		- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	15	15	15	15	
5514	12	00		- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	15	15	15	15	
5514	19	00		- - Vải dệt thoi khác	15	15	15	15	
				- Đã nhuộm:					
5514	21	00		- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	15	15	15	15	
5514	22	00		- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	15	15	15	15	
5514	23	00		- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	15	15	15	15	
5514	29	00		- - Vải dệt thoi khác	5	5	5	0	
5514	30	00		- Từ các sợi có các màu khác nhau	0	0	0	0	
				- Đã in:					
5514	41	00		- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	0	0	0	0	
5514	42	00		- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	0	0	0	0	
5514	43	00		- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	0	0	0	0	
5514	49	00		- - Vải dệt thoi khác	5	5	5	0	
55.15				Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp.					
				- Từ xơ staple polyeste:					
5515	11	00		- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple tơ tái tạo vit-cô (viscose)	15	15	15	15	
5515	12	00		- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	15	15	15	15	
5515	13	00		- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	15	15	15	15	
5515	19	00		- - Loại khác	15	15	15	15	
				- Từ xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic:					
5515	21	00		- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	0	0	0	0	
5515	22	00		- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	0	0	0	0	
5515	29	00		- - Loại khác	15	15	15	15	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất ACFTA (%)				Nước không được hưởng ưu đãi
					2015	2016	2017	2018	
				- Vải dệt thoi khác:					
5515	91	00		- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	0	0	0	0	
5515	99			- - Loại khác:					
5515	99	10		- - - Pha chủ yếu hoặc duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	15	15	15	15	
5515	99	90		- - - Loại khác	15	15	15	15	
55.16				Vải dệt thoi từ xơ staple tái tạo.					
				- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo từ 85% trở lên:					
5516	11	00		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	0	0	0	0	
5516	12	00		- - Đã nhuộm	0	0	0	0	
5516	13	00		- - Từ các sợi có các màu khác nhau	0	0	0	0	
5516	14	00		- - Đã in	0	0	0	0	
				- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament tái tạo:					
5516	21	00		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	0	0	0	0	
5516	22	00		- - Đã nhuộm	0	0	0	0	
5516	23	00		- - Từ các sợi có các màu khác nhau	0	0	0	0	
5516	24	00		- - Đã in	0	0	0	0	
				- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:					
5516	31	00		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	0	0	0	0	
5516	32	00		- - Đã nhuộm	0	0	0	0	
5516	33	00		- - Từ các sợi có các màu khác nhau	0	0	0	0	
5516	34	00		- - Đã in	0	0	0	0	
				- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông:					
5516	41	00		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	0	0	0	0	
5516	42	00		- - Đã nhuộm	0	0	0	0	
5516	43	00		- - Từ các sợi có các màu khác nhau	0	0	0	0	
5516	44	00		- - Đã in	5	5	5	0	
				- Loại khác:					
5516	91	00		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	0	0	0	0	
5516	92	00		- - Đã nhuộm	0	0	0	0	
5516	93	00		- - Từ các sợi có các màu khác nhau	0	0	0	0	
5516	94	00		- - Đã in	5	5	5	0	
				Chương 56 - Mền xơ, phốt và các sản phẩm không dệt; các loại sợi đặc biệt; sợi xe, chao bện (cordage), thùng và cáp và các sản phẩm của chúng					

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất ACFTA (%)				Nước không được hưởng ưu đãi
					2015	2016	2017	2018	
56.01				Mền xơ bằng vật liệu dệt và các sản phẩm của nó; các loại xơ dệt, chiều dài không quá 5 mm (xơ vụn), bụi xơ và kết xơ (neps) từ công nghiệp dệt.					
				- Mền xơ; các sản phẩm khác làm từ mền xơ:					
5601	21	00		- - Từ bông	15	15	15	15	
5601	22	00		- - Từ xơ nhân tạo	0	0	0	0	
5601	29	00		- - Loại khác	0	0	0	0	
5601	30			- Xơ vụn và bụi xơ và kết xơ từ công nghiệp dệt:					
5601	30	10		- - Xơ vụn polyamit	0	0	0	0	
5601	30	20		- - Xơ vụn bằng polypropylen	0	0	0	0	
5601	30	90		- - Loại khác	0	0	0	0	
56.02				Phốt, ni đã hoặc chưa ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc ép lớp.					
5602	10	00		- Phốt, ni xuyên kim và vải khâu đính	20	20	20	20	
				- Phốt, ni khác, chưa ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc ép:					
5602	21	00		- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	0	0	0	0	
5602	29	00		- - Từ vật liệu dệt khác	0	0	0	0	
5602	90	00		- Loại khác	0	0	0	0	
56.03				Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, trắng phủ hoặc ép lớp.					
				- Từ sợi filament nhân tạo:					
5603	11	00		- - Trọng lượng không quá 25 g/m ²	0	0	0	0	KH
5603	12	00		- - Trọng lượng trên 25 g/m ² nhưng không quá 70 g/m ²	0	0	0	0	
5603	13	00		- - Trọng lượng trên 70 g/m ² nhưng không quá 150 g/m ²	0	0	0	0	
5603	14	00		- - Trọng lượng trên 150 g/m ²	0	0	0	0	
				- Loại khác:					
5603	91	00		- - Trọng lượng không quá 25 g/m ²	0	0	0	0	
5603	92	00		- - Trọng lượng trên 25 g/m ² nhưng không quá 70 g/m ²	20	20	20	20	
5603	93	00		- - Trọng lượng trên 70 g/m ² nhưng không quá 150 g/m ²	20	20	20	20	
5603	94	00		- - Trọng lượng trên 150 g/m ²	20	20	20	20	
56.04				Chỉ cao su và sợi (cord) cao su, được bọc bằng vật liệu dệt; sợi dệt, và dải và dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic.					
5604	10	00		- Chỉ cao su và sợi (cord) cao su, được bọc bằng vật liệu dệt	5	5	5	0	
5604	90			- Loại khác:					

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất ACFTA (%)				Nước không được hưởng ưu đãi
					2015	2016	2017	2018	
5604	90	10		- - Chỉ giả catgut, bằng sợi tơ tằm	0	0	0	0	
5604	90	20		- - Sợi dệt được ngâm tẩm cao su	0	0	0	0	
5604	90	30		- - Sợi có độ bền cao từ polyeste, ni lông hoặc polyamit khác hoặc từ sợi vit-cô (viscose) nhân tạo	0	0	0	0	
5604	90	90		- - Loại khác	0	0	0	0	
5605	00	00		Sợi trộn kim loại, có hoặc không quấn bọc, là loại sợi dệt hoặc dãi hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, được kết hợp với kim loại ở dạng dây, dãi hoặc bột hoặc phủ bằng kim loại.	0	0	0	0	
5606	00	00		Sợi cuốn bọc, và dãi và các dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã quấn bọc (trừ các loại thuộc nhóm 56.05 và sợi quấn bọc lông bờm ngựa); sợi sonin (chenille) (kể cả sợi sonin xù); sợi sùi vòng.	0	0	0	0	
56.07				Dây xe, chấu bện (cordage), thừng và cáp, đã hoặc chưa tết hoặc bện và đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic.					
				- Từ xizan (sisal) hoặc từ xơ dệt khác của các cây thuộc chi cây thù:					
5607	21	00		- - Dây xe để buộc hoặc đóng kiện	0	0	0	0	
5607	29	00		- - Loại khác	0	0	0	0	
				- Từ polyetylen hoặc polypropylen:					
5607	41	00		- - Dây xe để buộc hoặc đóng kiện	0	0	0	0	
5607	49	00		- - Loại khác	0	0	0	0	
5607	50			- Từ xơ tổng hợp khác:					
5607	50	10		- - Sợi bện (cord) cho dây đai chữ V làm từ xơ nhân tạo đã xử lý bằng resorcinol formaldehyde; sợi polyamit và sợi polytetrafloro-ethylen có độ mảnh lớn hơn 10.000 decitex, dùng để làm kín các loại bơm, van và các sản phẩm tương tự	0	0	0	0	
5607	50	90		- - Loại khác	0	0	0	0	
5607	90			- Loại khác:					
5607	90	10		- - Từ sợi tái tạo	0	0	0	0	
5607	90	20		- - Từ tơ chuối abaca (Manila hemp hoặc Musa textilis Nee) hoặc các sợi (lá thực vật) cứng khác	0	0	0	0	
5607	90	30		- - Từ sợi đay hoặc sợi libe khác thuộc nhóm 53.03	20	20	20	20	
5607	90	90		- - Loại khác	20	20	20	20	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất ACFTA (%)				Nước không được hưởng ưu đãi
					2015	2016	2017	2018	
56.08				Tấm lưới được thắt nút bằng sợi xe, chảo bện (cordage) hoặc thừng; lưới đánh cá và các loại lưới khác đã hoàn thiện, từ vật liệu dệt.					
				- Từ vật liệu dệt nhân tạo:					
5608	11	00		- - Lưới đánh cá thành phẩm	0	0	0	0	KH, TH
5608	19			- - Loại khác:					
5608	19	20		- - - Túi lưới	0	0	0	0	
5608	19	90		- - - Loại khác	0	0	0	0	
5608	90			- Loại khác:					
5608	90	10		- - Túi lưới	0	0	0	0	TH
5608	90	90		- - Loại khác	0	0	0	0	TH
5609	00	00		Các sản phẩm làm từ sợi, dải hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, dây xe, chảo bện (cordage), thừng hoặc cáp, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	0	0	0	0	
				Chương 57 - Thảm và các loại hàng dệt trái sàn khác					
57.01				Thảm và các loại hàng dệt trái sàn khác, thắt nút, đã hoặc chưa hoàn thiện.					
5701	10			- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:					
5701	10	10		- - Thảm cầu nguyện	0	0	0	0	
5701	10	90		- - Loại khác	0	0	0	0	
5701	90			- Từ các vật liệu dệt khác:					
				- - Từ bông:					
5701	90	11		- - - Thảm cầu nguyện	0	0	0	0	
5701	90	19		- - - Loại khác	0	0	0	0	
				- - Loại khác:					
5701	90	91		- - - Thảm cầu nguyện	0	0	0	0	
5701	90	99		- - - Loại khác	0	0	0	0	
57.02				Thảm và các loại hàng dệt trái sàn khác, dệt thoi, không chần sợi vòng hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện, kể cả thảm “Kelem”, “Schumacks”, “Karamanie” và các loại thảm dệt thủ công tương tự.					
5702	10	00		- Thảm “Kelem”, “Schumacks”, “Karamanie” và các loại thảm dệt thủ công tương tự	0	0	0	0	
5702	20	00		- Hàng trái sàn từ xơ dừa	0	0	0	0	
				- Loại khác, có cấu tạo vòng lông, chưa hoàn thiện:					
5702	31	00		- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	0	0	0	0	
5702	32	00		- - Từ các vật liệu dệt nhân tạo	0	0	0	0	
5702	39			- - Từ các loại vật liệu dệt khác:					
5702	39	10		- - - Từ bông	0	0	0	0	